|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT ............  **TRƯỜNG TH …………….**  SỐ: …/ KH – TH&THCSQT | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ..........., ngày ....tháng ....năm 2023 |
|  |  |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2023 – 2024**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 2 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Công văn số 3566/BGDĐT-GDTH, ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020 - 2021

Căn cứ[Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT](https://hoatieu.vn/phap-luat/thong-tu-32-2018-tt-bgddt-161465)ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ [Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT](https://hoatieu.vn/phap-luat/thong-tu-28-2020-tt-bgddt-dieu-le-truong-tieu-hoc-203500) ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ [Công văn 2345/BGDĐT- GDTH](https://hoatieu.vn/phap-luat/cong-van-2345-bgddt-gdth-xay-dung-ke-hoach-giao-duc-truong-tieu-hoc-209536) ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Kế hoạch số 429/KH-UBND ngày 09/12/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh ............. về Kế hoạch triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2020 - 2021 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2021 - 2022.

Trường ......... xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2021 - 2022 như sau:

**II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2023 – 2024**

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương**

Trị trấn ….. là đơn vị đóng trên địa bàn trung tâm huyện …. Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Huyện ủy, giám sát kịp thời của Hội đồng nhân dân huyện, cùng với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, sự đồng lòng, quyết tâm của Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua đạt nhiều kết quả quan trọng.

Trong năm qua tuy ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng kinh tế của thị ttrấn vẫn tăng tưởng cao:

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 ước tăng 9,39% so với năm trước, trong đó: Khu vực Nông nghiệp tăng 4,32%; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng tăng 15,56%; Khu vực Dịch vụ tăng 8,68%;

- Giá cả của một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu trên địa bàn thị trấn tương đối ổn định. Thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn không có diễn biến bất thường, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu đáp ứng đầy đủ và không bị khan hiếm về số lượng, không tăng giá đột biến

Đối với Giáo dục và Đào tạo Tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số …./…./NQ-HĐND của HĐND tỉnh về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông đến năm 2025 và những năm tiếp theo; tuyển dụng giáo viên bậc mầm non, tiểu học; tổ chức kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm học …., kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học ….., kỳ thi THPT quốc gia năm 2020 an toàn và đúng quy chế; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Chất lượng giáo dục toàn diện ổn định; giáo dục mũi nhọn đạt thành tích xuất sắc, Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở được củng cố và giữ vững. Tập trung xây dựng các kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với khối lớp 2.

**2. Đặc điểm tình hình nhà trường.**

**2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường.**

* Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo ............; Đảng ủy, chính quyền và nhân dân thị trấn ............ và Ban đại diện Cha mẹ học
* Tổng số học sinh trường có ... lớp với ... học sinh, trong đó nữ ... học sinh; học sinh dân tộc ….em. Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100% .

**2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường**

- Về số lượng: Tổng số cán bộ, viên chức: ...đ/c Trong đó :

+ Cán bộ quản lý : 03 đ/c,

+ Giáo viên có ...đ/c; trong đó có .... hợp đồng.

+ Viên chức phục vụ có .... đ/c

- Về chất lượng :

- Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đều đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm, trong đó: trên chuẩn ……, đạt …….% (Thông tư 41/TT- BGD-ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010). nên có năng lực công tác, giảng dạy có chất lượng. Hàng năm được bồi dưỡng, học tập thường xuyên, để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

- Số lượng đảng viên là …..đ/c đạt tỷ lệ …..%.

**2.3. Về cơ sở vật chất.**

Tổng số phòng học có ….. phòng học trong đó: kiên cố ….. phòng; cấp 4 là ….. phòng. Đủ để tổ chức cho học sinh học 2 buổi/ngày. Tất cả các phòng học đã được tu sửa nên đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường.

**III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 – 2024**

**1.1. Mục tiêu chung**

Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

1. Năm học 2021-2022là năm học toàn ngành giáo dục thực hiện nhiệm vụ kép với mục tiêu: vừa tích cực thực hiện các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp; Nhà trường căn cứ các hướng dẫn của Phòng GDĐT xây dựng kế hoạch dạy học bảo đảm hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh xảy ra tại địa phương. Là năm học đầu tiên triển khai CTGDPT 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (CTGDPT 2018) đối với lớp 1và 2; thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.
2. Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện CTGDPT đối với lớp 1và 2; thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục và bố trí quỹ đất để xây dựng CSVC lớp học phù hợp, thuận lợi, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; khắc phục tình trạng lớp có quy mô lớp học và sĩ số học sinh vượt quá quy định để thực hiện CTGDPT 2018 đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.
3. Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1và 2đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện chương trình đối với lớp 2 từ năm học 2021-2022. Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) từ lớp 3 đến lớp 5.
4. Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 3về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 3cho năm học 2022-2023.
5. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện từng địa phương.
6. Chỉ tiêu:

- 100% học sinh trường học 02 buổi/ngày, 09 buổi/tuần; 100% học sinh khối lớp 1, 2 được học môn Tiếng Anh.

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 100% học sinh lớp 1 được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- 100% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.

**III. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động giáo dục** | **Số tiết lớp 1** | | | **Số tiết lớp 2** | | | **Số tiết lớp 3** | | | **Số tiết lớp 4** | | | **Số tiết lớp 5** | | |
| **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** |
| **1. Môn học bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | 216 | 204 | 350 | 180 | 170 | 280 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 |
| 2 | Toán | 105 | 54 | 51 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 |
| 3 | Đạo đức | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 4 | Tự nhiên và xã hội | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Giáo dục thể chất | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 6 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Thủ công |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Kĩ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 10 | Lịch sử Địa Lí |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 11 | Khoa học |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| **2. Môn học tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Tiếng Anh (Tự chọn) | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 13 | Tin học |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| **3. Hoạt động củng cố, tăng cường** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | Tăng cường Tiếng Việt | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Tăng cường Toán | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Tăng cường giáo dục KNS | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| **Tổng** | | **1190** | **612** | **578** | **1190** | **612** | **578** | **910** | **468** | **442** | **980** | **504** | **476** | **980** | **504** | **476** |

**Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **Thời gian thực hiện** | **Người thực hiện** | **Lực lượng cùng tham gia** |
| Tháng 9 |  |  |  |  |  |  |
| Tháng 10 |  |  |  |  |  |  |
| Tháng 11 | Yêu quý thầy cô giáo | Hội thi văn nghệ Chào mừng ngày 20/11 | Tập trung | Từ 10/11-15/11 | Học sinh | Toàn trường |
| Tháng 12 |  |  |  |  |  |  |
| Tháng 01 |  |  |  |  |  |  |
| Tháng 02 |  |  |  |  |  |  |
| Tháng 03 |  |  |  |  |  |  |
| Tháng 04 |  |  |  |  |  |  |